ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN VIỆT YÊN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 269 /BC-UBND	*Việt Yên, ngày 12 tháng 10 năm 2015*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở giai đoạn 2 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 1003/SXD- QLN ngày 03/9/2015 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang về việc xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

Sau khi triển khai, Chủ tịch UBND huyện Việt Yên báo cáo kết quả như sau: *(Chi tiết có danh sách đính kèm).*

Đề nghị Sở Xây dựng xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở xây dựng;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:
- Sở xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng LĐ,TB &XH;
- LĐVP, CVTH.

CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục số III

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN

BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐĂNG KÝ VAY VỐN LÀM NHÀ Ở THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTG THEO TỪNG NĂM KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

(Kèm theo Báo cáo số :269 /BC-UBND ngày 12/10/2015 Chủ tịch UBND huyện Việt Yên)

Đơn vị tính: Hộ gia đình

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
	TỔNG CỘNG (A)	**104**									
A	**Năm 2016 (10%*A)**	**15**									
I	***Thị trấn Bích Động***										
I.1	*Thôn Trung*										
1	Vũ Thị Hoa	16130			X						
2	Tạ Văn Lập	16124			X						
3	Vũ Thị Hoa	16134			X						
4	Vũ Thị Tí	16122			X						
5	Vũ Thị Hoàn	16129			X						
I.2	*Thôn Dục Quang*										
1	Nguyễn Thị Khuê	87956			x						
2	Nguyễn Thị Hạnh	16397			X						
II	***Xã Vân Hà***										
II.1	*Thôn Nguyệt Đức*										
1	Nguyễn Thị Tâm	79745									
2	Trần Thị Hà	15140									

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xẩy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
II. 2	*Thôn Thổ Hà*										
1	Nguyễn Thị Mạn	15450									
2	Nguyễn Thị Thuyết	15451									
3	Cáp Trọng Tiền	79713									
II.3	*Thôn Yên Viên*										
1	Đỗ Đăng Hoa	15218									
2	Đỗ Đăng Trung	15310									
3	Diêm Thị Thà	15301									
B	**Năm 2017 (20%*A)**	**23**									
II	***Xã Nghĩa Trung***										
II.1	*Thôn Yên Sơn*										
1	Nguyễn Thị Sáu	15137			X						
II.2	*Thôn Nghĩa Vũ*										
1	Hoàng Thị Giáp	14493			X						
II.3	*Thôn Trung*										
1	Nguyễn Văn Minh	14473			X						
III	***Xã Thượng Lan***										
III.1	*Thôn Hà Thượng*										
1	Giáp Văn Thắng	79639	2010		X						
III.2	*Thôn Thượng*										
1	Nguyễn Thị Mừng	87732	2010								X

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
IV	***Xã Hương Mai***										
IV.1	*Thôn Xuân Lạn*										
1	Trần Thị Lợi	13614	2014		X						
2	Nguyễn Thị Lan	13645	2014		X						
3	Ngô Thị Cửu	79856	2014		X						
4	Hoàng Thị Đậu	88270	2014		X						
5	Ngô Đăng Bái	88623	2014		X						X
6	Nguyễn Văn Toàn	13652	2014								X
IV.2	*Thôn Mai Thượng 3*										
1	Nguyễn Thị Thu	14111	2014		X						
IV.3	*Thôn Song Lạn*										
1	Nguyễn Thị Bắc	14229	2014		X						
IV.4	*Thôn Nam Liếp*										
1	Nguyễn Thị Tâm	13314	2014		X						
IV.5	*Thôn Đồng Ich*										
1	Nguyễn Thị Hải	87551	2014		X						
V	***Xã Vân Hà***										
V.1	*Thôn Nguyệt Đức*										
1	Nguyễn Thị Thu	15187									X
2	Nguyễn Văn Hiệp	87794									X

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
V.2	*Thôn Thổ Hà*										X
1	Trịnh Thị Uyên	15483									X
2	Nguyễn Thị Hậu	79644									X
3	Phạm Tiến Hà	79712									
V.3	*Thôn Yên Viên*										X
1	Ngô Thị Thọ	15353									X
2	Nguyễn Văn Tuấn	88196									X
3	Đỗ Thị Nghĩa	87817									
C	**Năm 2018 (25%A)**	**26**									
I	***Xã Việt Tiến***										
I.1	*Thôn 1*										
1	Nguyễn Thị Nga	16632	2011-2014		X						
I.2	*Thôn 2*										
1	Dương Thị Liên	16229	2011-2014		X						
2	Đặng Thị Dung	16234	2011-2014		X						
3	Dương Văn Hiệu	16252	2011-2014		X						
4	Dương Thị Xuân	16257	2011-2014		X						
I.3	*Thôn 3*										
1	Trọng Văn Giỏi	16210	2011-2014		X						
2	Ngô Thị Hồng	16215	2011-2014		X						

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
I.4	*Thôn 5*										
1	Giáp Thị Hiền	15324	2011-2014		X						
2	Giáp Văn Yến	15340	2011-2014								X
I.5	*Thôn 6*										
1	Đoàn Văn Dần	15182	2011-2014		X						
2	Lưu Quang Hải	15201	2011-2014		X						
3	Đoàn Văn Hoan	15216	2011-2014		X						
4	Nguyễn Văn Luật	15221	2011-2014		X						
II	***Xã Hoàng Ninh***										
II.1	*Thôn Phúc Lâm*										
1	Đỗ Thị Quế										
2	Đỗ Thị Sáu	13911			X						
3	Đỗ Xuân Thơm	88858			X						
4	Đỗ Thị Qúy	88862			X						
5	Đỗ Văn Huấn	88859			X						
6	Đỗ Văn Luyện	79856			X						
III	***Xã Tự Lạn***										
III.1	*Thôn Rãnh*										
1	Giáp Thị Hoa	87962									
III.2	*Thôn Cầu*										
1	Chu Văn Tấn	87956			X						
2	Nguyễn Thị Thận	15928			X						

TT	Hộ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
III.3	*Thôn Nguộn*										
1	Nguyễn Thị Tuệ	15591			X						
2	Chu Thị Lộc	15629			X						
III.4	*Thôn Râm*										
1	Nguyễn Thị Quyên	15916			X						
III.5	*Thôn Đông*										
1	Nguyễn Thị Bình	15703			X						
D	**Năm 2019 (25%*A)**	**5**									
I	***Thị trấn Nếnh***										
I.1	*Ninh Khánh*										X
1	Nguyễn Văn Chiêu										
I.2	*Sen Hồ*										X
1	Nguyễn Văn Thắng										
II	***Xã Tiên Sơn***										*X*
II.1	*Thôn Phù Tài*										
1	Nguyễn Văn Kha	16863									

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
II.2	*Thôn Thượng Lát*										X
1	Đặng Văn Thiết	17071									
II.3	*Thôn Thượng Lát*										X
1	Dương Thị Đu	88345									
E	**Năm 2020 (20%*A)**	**35**									
I	***Xã Việt Tiến***										
I.1	*Thôn 9*										X
1	Đặng Thị Huế	16747	2011-2014								X
2	Cao Thị Bộ	16752	2011-2014								
II	***Xã Ninh Sơn***										
II.1	*Thôn Cao Lôi*										X
1	Hoàng Thị Lại	13503									X
2	Nguyễn Thị Hiệp	14558									
II.2	*Thôn Ninh Động*										X
1	Ngô Thị Liên	14562									
II.3	*Thôn Phúc Ninh*										X
1	Doãn Thị Huấn	14668									X
2	Phạm Thị Quang	14678									X
3	Doãn Thị Mến	88261									
II.4	*Thôn Mai Vũ*										X
1	Nguyễn Thị Đức	88258									

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
III	***Thị trấn Bích Động***										
III.1	*Thôn Dục Quang*										X
1	Nguyễn Thị Nhan	88375									X
2	Nguyễn Thị Chiếm	16238									X
3	Nguyễn Văn Cách	16245									X
4	Nguyễn Thị Âm	16383									X
5	Nguyễn Thị Vóc	16435									X
6	Nguyễn Thị Phi	87229									
III.2	*ThônTrung*										X
1	Đoàn Văn Bộ	16131									
IV	***Xã Hương Mai***										
IV.1	*Thôn Đồng Sơn*										X
1	Đỗ Đăng Anh	87477	2014								
IV.2	*Thôn Đồng Ich*										X
1	Diêm Đăng Chín	13993	2014								
IV.4	*Thôn Đống Mối*										X
1	Diêm Công Thắng	14173	2014								

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	ngày/tháng/ năm được ubnd tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại quyết định 09/2011/ qđ-ttg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng trừ tiền						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
V	***Xã Vân Hà***										
V.1	*Thôn Yên Viên*										X
1	Đỗ Viết Lĩnh	88197									X
2	Nguyễn Thị Nhàn	87811									X
3	Nguyễn Khắc Đức	15291									X
4	Nguyễn Tuấn Tuấn	15344									
V.2	*Thôn Thổ Hà*										X
1	Nguyễn Thị Hoa	15383									X
2	Bùi Thị thủy	15482									X
3	Bùi Thị Oanh	15464									X
4	Đoàn Thị Hiền	88717									
VI	***Xã Hoàng Ninh***										
VI.1	*Thôn Hoàng Mai 3*				X						
1	Nguyễn Thị Tình										X
2	Nguyễn Thị Chóng	13232									X
3	Lý Văn Công	13202									X
4	Nguyễn Đình Trình	87975									X
5	Nguyễn Thị Xuyên	13193									
VI.2	*Thôn Mi Điền 1*										X
1	Lương Thị Bẩy										X
2	Đỗ Thị Hoa Hạ	79883									X
3	Trần Thị Phính	87356									

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN

BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTG

(Kèm theo Báo cáo số :269 /BC-UBND ngày 12/10/2015 Chủ tịch UBND huyện)

Đơn vị tính: Hộ gia đình

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
	Tổng cộng	**104 (đối tượng)**									
I	***Thị trấn Bích Động***										
I.1	*Thôn Trung*										
1	Vũ Thị Hoa	16130			X						
2	Tạ Văn Lập	16124			X						
3	Vũ Thị Hoa	16134			X						
4	Vũ Thị Tí	16122			X						
5	Vũ Thị Hoàn	16129			X						X
6	Đoàn Văn Bộ	16131									
I.2	*Thôn Dục Quang*										
1	Nguyễn Thị Khuê	87956			x						
2	Nguyễn Thị Hạnh	16397			X						X
3	Nguyễn Thị Nhan	88375									x
4	Nguyễn Thị Chiếm	16238									x
5	Nguyễn Văn Cách	16245									x
6	Nguyễn Thị Ám	16383									x
7	Nguyễn Thị Vóc	16435									X
8	Nguyễn Thị Phi	87229									

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
II	***Xã Nghĩa Trung***										
II.1	*Thôn Yên Sơn*										
1	Nguyễn Thị Sáu	15137			X						
II.2	*Thôn Nghĩa Vũ*										
1	Hoàng Thị Giáp	14493			X						
II.3	*Thôn Trung*										
1	Nguyễn Văn Minh	14473			X						
III	***Xã Quang Châu***										
IV	***Xã Hương Mai***										
IV.1	*Thôn Xuân Lạn*										
1	Trần Thị Lợi	13614	2014		X						
2	Nguyễn Thị Lan	13645	2014		X						
3	Ngô Thị Cửu	79856	2014		X						
4	Hoàng Thị Đậu	88270	2014		X						X
5	Ngô Đăng Bái	88623	2014		X						X
6	Nguyễn Văn Toàn	13652	2014								
IV.2	*Thôn Đồng Sơn*										X
1	Đỗ Đăng Anh	87477	2014								
IV.3	*Thôn Mai Thượng 3*										
1	Nguyễn Thị Thu	14111	2014		X						
IV.4	*Thôn Đống Mối*										X
1	Diêm Công Thắng	14173	2014								
IV.5	*Thôn Song Lạn*										
1	Nguyễn Thị Bắc	14229	2014		X						
IV.6	*Thôn Nam Liếp*										
1	Nguyễn Thị Tâm	13314	2014		X						
IV.7	*Thôn Đồng Ích*										
1	Nguyễn Thị Hải	87551	2014		X						X
2	Diêm Đăng Chín	13993	2014								

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng đã ...						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
V	***Xã Thượng Lan***										
V.1	*Thôn Hà Thượng*										
1	Giáp Văn Thắng	79639	2010								X
V.2	*Thôn Thượng*										
1	Nguyễn Thị Mừng	87732	2010								
VI	***Xã Việt Tiến***										
VI.1	*Thôn 1*										
1	Nguyễn Thị Nga	16632	2011-2014		X						
VI.2	*Thôn 2*										
1	Dương Thị Liên	16229	2011-2014		X						
2	Đặng Thị Dung	16234	2011-2014		X						
3	Dương Văn Hiệu	16252	2011-2014		X						
4	Dương Thị Xuân	16257	2011-2014		X						
VI.3	*Thôn 3*										
1	Trọng Văn Giỏi	16210	2011-2014		X						
2	Ngô Thị Hồng	16215	2011-2014		X						
VI.4	*Thôn 5*										
1	Giáp Thị Hiền	15324	2011-2014		X						
2	Giáp Văn Yến	15340	2011-2014								X
VI.5	*Thôn 6*										
1	Đoàn Văn Dần	15182	2011-2014		X						
2	Lưu Quang Hải	15201	2011-2014		X						
3	Đoàn Văn Hoan	15216	2011-2014		X						
4	Nguyễn Văn Luật	15221	2011-2014		X						
VI.6	*Thôn 9*										
1	Đặng Thị Huế	16747	2011-2014								X
2	Cao Thị Bộ	16752	2011-2014								X

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
VII	***Xã Ninh Sơn***										
VII.1	*Thôn Cao Lôi*										
1	Hoàng Thị Lại	13503									X
2	Nguyễn Thị Hiệp	14558									X
VII.2	*Thôn Ninh Động*										
1	Ngô Thị Liên	14562									X
VII.3	*Thôn Phúc Ninh*										
1	Doãn Thị Huấn	14668									X
2	Phạm Thị Quang	14678									X
3	Doãn Thị Mến	88261									X
VII.4	*Thôn Mai Vũ*										
1	Nguyễn Thị Đức	88258									X
VIII	***Xã Bích Sơn***										
IX	***Xã Hồng Thái***										
X	***Xã Tăng Tiến***										
XI	***Xã Hoàng Ninh***										
XI.1	*Thôn Phúc Lâm*										
1	Đỗ Thị Quế				X						
2	Đỗ Thị Sáu	13911			X						
3	Đỗ Xuân Thơm	88858			X						
4	Đỗ Thị Qúy	88862			X						
5	Đỗ Văn Huấn	88859			X						
6	Đỗ Văn Luyện	79856			X						

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
XI.2	*Thôn Hoàng Mai 3*										
1	Nguyễn Thị Tình				X						X
2	Nguyễn Thị Chóng	13232									X
3	Lý Văn Công	13202									X
4	Nguyễn Đình Trình	87975									X
5	Nguyễn Thị Xuyên	13193									
XI.3	*Thôn My Điền 1*										
1	Lương Thị Bẩy										
2	Đỗ Thị Hoa Hạ	79883									
3	Trần Thị Phính	87356									
XII	***Thị trấn Nếnh***										X
XII.1	*Ninh Khánh*										
1	Nguyễn Văn Chiêu										X
XII.2	*Sen Hồ*										
1	Nguyễn Văn Thắng										*X*
XIII	***Xã Tiên Sơn***										
XIII.1	*Thôn Phù Tài*										
1	Nguyễn Văn Kha	16863									X
XIII.2	*Thôn Thượng Lát*										
1	Đặng Văn Thiết	17071									
XIII.3	*Thôn Thượng Lát*										
1	Dương Thị Đu	88345									

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
XIV	***Xã Tự Lạn***										
XIV.1	*Thôn Rãnh*										
1	Giáp Thị Hoa	87962									
XIII.2	*Thôn Cầu*										
1	Chu Văn Tấn	87956			X						
2	Nguyễn Thị Thận	15928			X						
XIV.3	*Thôn Nguộn*										
1	Nguyễn Thị Tuệ	15591			X						
2	Chu Thị Lộc	15629			X						
XIV.4	*Thôn Râm*										
1	Nguyễn Thị Quyên	15916			X						
XIV.5	*Thôn Đông*										
1	Nguyễn Thị Bình	15703			X						
XVI	***Xã Vân Hà***										
XVI.1	*Thôn Nguyệt Đức*										X
1	Nguyễn Thị Thu	15187									X
2	Nguyễn Văn Hiệp	87794									
3	Nguyễn Thị Tâm	79745									
4	Trần Thị Hà	15140									

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	*2*		*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
XVI.2	*Thôn Thổ Hà*										X
1	Trịnh Thị Uyên	15483									X
2	Nguyễn Thị Hậu	79644									X
3	Phạm Tiến Hà	79712									
4	Nguyễn Thị Mạn	15450									
5	Nguyễn Thị Thuyết	15451									
6	Cáp Trọng Tiền	79713									X
7	Nguyễn Thị Hoa	15383									X
8	Bùi Thị thủy	15482									X
9	Bùi Thị Oanh	15464									X
10	Đoàn Thị Hiền	88717									
XVI.3	*Thôn Yên Viên*										X
1	Ngô Thị Thọ	15353									X
2	Nguyễn Văn Tuấn	88196									X
3	Đỗ Thị Nghĩa	87817									
4	Đỗ Đăng Hoa	15218									
5	Đỗ Đăng Trung	15310									
6	Diêm Thị Thà	15301									X
7	Đỗ Viết Lĩnh	88197									X
8	Nguyễn Thị Nhàn	87811									X
9	Nguyễn Khắc Đức	15291									X
10	Nguyễn Tuấn Tuấn	15344									

Phụ lục số II

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN

BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐĂNG KÝ VAY VỐN LÀM NHÀ Ở THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTg

(Kèm theo Báo cáo số: 269 /BC-UBND ngày 12 /10/2015 Chủ tịch UBND huyện)

Đơn vị tính: Hộ gia đình

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Mã hộ nghèo	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
					Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng	**104 (đối tượng)**									
I	***Thị trấn Bích Động***										
I.1	*Thôn Trung*										
1	Vũ Thị Hoa	16130			X						
2	Tạ Văn Lập	16124			X						
3	Vũ Thị Hoa	16134			X						
4	Vũ Thị Tí	16122			X						
5	Vũ Thị Hoàn	16129			X						
6	Đoàn Văn Bộ	16131									X
I.2	*Thôn Dục Quang*										
1	Nguyễn Thị Khuê	87956			x						
2	Nguyễn Thị Hạnh	16397			X						
3	Nguyễn Thị Nhan	88375									X
4	Nguyễn Thị Chiếm	16238									x
5	Nguyễn Văn Cách	16245									x
6	Nguyễn Thị Ấm	16383									x
7	Nguyễn Thị Vóc	16435									x
8	Nguyễn Thị Phi	87229									X

II	***Xã Nghĩa Trung***										
II.1	*Thôn Đồng Sơn*										
1	Nguyễn Thị Sáu	15137			X						
II.2	*Thôn Nghĩa Vũ*										
1	Hoàng Thị Giáp	14493			X						
II.3	*Thôn Trung*										
1	Nguyễn Văn Minh	14473			X						
III	***Xã Quang Châu***										
IV	***Xã Hương Mai***										
IV.1	*Thôn Xuân Lạn*										
1	Trần Thị Lợi	13614	2014		X						
2	Nguyễn Thị Lan	13645	2014		X						
3	Ngô Thị Cửu	79856	2014		X						
4	Hoàng Thị Đậu	88270	2014		X						
5	Ngô Đăng Bái	88623	2014		X						X
6	Nguyễn Văn Toàn	13652	2014								X
IV.2	*Thôn Đồng Sơn*										
1	Đỗ Đăng Anh	87477	2014								X
IV.3	*Thôn Mai Thượng 3*										
1	Nguyễn Thị Thu	14111	2014		X						
IV.4	*Thôn Đống Mối*										
1	Diêm Công Thắng	14173	2014								X
IV.5	*Thôn Song Lạn*										
1	Nguyễn Thị Bắc	14229	2014		X						
IV.6	*Thôn Nam Liếp*										
1	Nguyễn Thị Tâm	13314	2014		X						
IV.7	*Thôn Đồng Ich*										
1	Nguyễn Thị Hải	87551	2014		X						
2	Diêm Đăng Chín	13993	2014								X
V	***Xã Thượng Lan***										
V.1	*Thôn Hà Thượng*										
1	Giáp Văn Thắng	79639	2010								
V.2	*Thôn Thượng*										
1	Nguyễn Thị Mừng	87732	2010								X

VI	***Xã Việt Tiến***										
VI.1	*Thôn 1*										
1	Nguyễn Thị Nga	16632	2011-2014		X						
VI.2	*Thôn 2*										
1	Dương Thị Liên	16229	2011-2014		X						
2	Đặng Thị Dung	16234	2011-2014		X						
3	Dương Văn Hiệu	16252	2011-2014		X						
4	Dương Thị Xuân	16257	2011-2014		X						
VI.3	*Thôn 3*										
1	Trọng Văn Giỏi	16210	2011-2014		X						
2	Ngô Thị Hồng	16215	2011-2014		X						
VI.4	*Thôn 5*										
1	Giáp Thị Hiền	15324	2011-2014		X						
2	Giáp Văn Yến	15340	2011-2014								X
VI.5	*Thôn 6*										
1	Đoàn Văn Dần	15182	2011-2014		X						
2	Lưu Quang Hải	15201	2011-2014		X						
3	Đoàn Văn Hoan	15216	2011-2014		X						
4	Nguyễn Văn Luật	15221	2011-2014		X						
VI.6	*Thôn 9*										
1	Đặng Thị Huế	16747	2011-2014								X
2	Cao Thị Bộ	16752	2011-2014								X
VII	***Xã Ninh Sơn***										
VII.1	*Thôn Cao Lôi*										
1	Hoàng Thị Lại	13503									X
2	Nguyễn Thị Hiệp	14558									X
VII.2	*Thôn Ninh Động*										
1	Ngô Thị Liên	14562									X
VII.3	*Thôn Phúc Ninh*										
1	Doãn Thị Huấn	14668									X
2	Phạm Thị Quang	14678									X
3	Doãn Thị Mến	88261									X
VII.4	*Thôn Mai Vũ*										
1	Nguyễn Thị Đức	88258									X

VIII	***Xã Bích Sơn***										
IX	***Xã Hồng Thái***										
X	***Xã Đăng Tiến***										
XI	***Xã Hoàng Ninh***										
XI.1	*Thôn Phúc Lâm*										
1	Đỗ Thị Quế										
2	Đỗ Thị Sáu	13911			X						
3	Đỗ Xuân Thơm	88858			X						
4	Đỗ Thị Qúy	88862			X						
5	Đỗ Văn Huấn	88859			X						
6	Đỗ Văn Luyện	79856			X						
XI.2	*Thôn Hoàng Mai 3*										
1	Nguyễn Thị Tình				X						
2	Nguyễn Thị Chóng	13232									X
3	Lý Văn Công	13202									X
4	Nguyễn Đình Trình	87975									X
5	Nguyễn Thị Xuyên	13193									X
XI.3	*Thôn My Điền 1*										
1	Lương Thị Bẩy										
2	Đỗ Thị Hoa Hạ	79883									
3	Trần Thị Phính	87356									
XII	***Thị trấn Nếnh***										
XII.1	*Ninh Khánh*										
1	Nguyễn Văn Chiêu										X
XII.2	*Sen Hồ*										
1	Nguyễn Văn Thắng										X
XIII	***Xã Tiên Sơn***										
XIII.1	*Thôn Phù Tài*										*X*
1	Nguyễn Văn Kha	16863									
XIII.2	*Thôn Thượng Lát*										
1	Đặng Văn Thiết	17071									X
XIII.3	*Thôn Thượng Lát*										
1	Dương Thị Đu	88345									

XIV	*Xã Tân Lạn*											
XIV.1	*Thôn Bình B*											
1	Giáp Thị Hoa	87962										
XIV.2	*Thôn Đồi*											
1	Chu Văn Tấn	87956										
2	Nguyễn Thị Thận	15928			X							
XIV.3	*Thôn Nguộn*				X							
1	Nguyễn Thị Tuệ	15591										
2	Chu Thị Lộc	15629			X							
XIV.4	*Thôn Râm*				X							
1	Nguyễn Thị Quyên	15916										
XIV.5	*Thôn Đông*				X							
1	Nguyễn Thị Bình	15703										
XVI	***Xã Vân Hà***				X							
XVI.1	*Thôn Nguyệt Đức*											
1	Nguyễn Thị Thu	15187										
2	Nguyễn Văn Hiệp	87794										
3	Nguyễn Thị Tâm	79745										X
4	Trần Thị Hà	15140										X
XVI.2	*Thôn Thổ Hà*											
1	Trịnh Thị Uyên	15483										
2	Nguyễn Thị Hậu	79644										
3	Phạm Tiến Hà	79712										X
4	Nguyễn Thị Mạn	15450										X
5	Nguyễn Thị Thuyết	15451										X

6	Cáp Trọng Tiền	79713										
7	Nguyễn Thị Hoa	15383										
8	Bùi Thị Thủy	15482										X
9	Bùi Thị Oanh	15464										X
10	Đoàn Thị Hiền	88717										X
XVI.3	*Thôn Yên Viên*											X
1	Ngô Thị Thọ	15353										
2	Nguyễn Văn Tuấn	88196										X
3	Đỗ Thị Nghĩa	87817										X
4	Đỗ Đăng Hoa	15218										X
5	Đỗ Đăng Trung	15310										
6	Diêm Thị Thà	15301										
7	Đỗ Viết Lĩnh	88197										
8	Nguyễn Thị Nhàn	87811										X
9	Nguyễn Khắc Đức	15291										X
10	Nguyễn Tuấn Tuấn	15344										X
7	Đỗ Viết Lĩnh	88197										X
8	Nguyễn Thị Nhàn	87811										X
9	Nguyễn Khắc Đức	15291										X
10	Nguyễn Tuấn Tuấn	15344										X